

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thanh Hùng;
- Ông Phạm Hồng Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 80/2021/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1974; Địa chỉ: số khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1972, địa chỉ: số khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Minh Ph, sinh năm 1979.
- Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1977.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Năm 1993, chị G và anh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp thuận, có tổ

chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện TC (nay là phường LT, thị xã TC), tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 297, ngày 10/10/2007. Sau khi kết hôn, anh T sống bên gia đình cha mẹ ruột của chị G tại số khóm LTD, phường LT, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, tính tình không hợp nhau và đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Đồng thời, anh T tự ý bỏ nhà đi nên chị G và anh T cũng đã không còn chung sống với nhau (sống xa nhau) từ tháng 6/2019 cho đến nay, không còn liên lạc cho chị G. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị G yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008. Hiện, con chung Lê Nguyễn Ngọc A đang đi làm và sống tại thành phố Hồ Chí Minh nên không yêu cầu giải quyết, còn Lê Nguyễn Ngọc H đang được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G yêu cầu nuôi dưỡng Lê Nguyễn Ngọc H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 651/TB-TLVA ngày 26/10/2020, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 681/TB-TA ngày 26/11/2020, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 67/TB-TA ngày 23/02/2021 và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 131/TB-TA ngày 29/3/2021 cho anh Lê Thanh T nhưng tại thời điểm tổng đạt, anh T không có mặt để nhận các văn bản tố tụng trên của Tòa án do anh T vắng mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không thực hiện được việc cấp, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng trên. Đến nay, Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị G và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có).

Ngày 20/4/2021, Tòa án ban hành Thông báo số 113/2021/TB-TA về việc kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn và Tòa án thu thập cho anh Lê Thanh T, nhưng anh T cũng không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của anh Lê Thanh T tại Công an phường LT, thị xã TC; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung giữa chị G và anh T tại Hội phụ nữ phường LT, thị xã TC; Xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung tại Văn phòng khóm LTD, phường LT, thị xã TC; Lời khai người làm chứng, cụ thể:

- Công an phường LT, thị xã TC cung cấp: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 14, khóm LT D, phường LT, thị xã

TC nhưng anh T đã bỏ địa phương đi (không rõ bỏ đi thời gian nào) và không thường X sinh sống ở địa phương.

- Hội phụ nữ phường LT, thị xã TC cung cấp: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Lê Thanh T như thế nào thì không biết và không rõ mâu thuẫn ra sao.

Về con chung, giữa chị G và anh T có 02 con chung Lê Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993 (đã trưởng thành) và Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008, hiện đang sống với chị G.

- Văn phòng khóm LT D, phường LT, thị xã TC cung cấp: Năm 1993, chị G và anh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu (nay là phường Long Thạnh), thị xã Tân Châu cấp ngày 10/10/2007. Sau khi cưới, anh T và chị G sống tại nhà thuộc khóm LT D, phường LT, thị xã TC. Đến tháng 4/2019 thì chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường X cãi vã và đã không còn chung sống (sống xa nhau) từ tháng 6/2019 cho đến nay, không còn liên lạc cho nhau nữa. Anh T bỏ đi từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay, anh T đang sinh sống và làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Thời gian gần đây, anh T có về địa phương.

Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993 (đã trưởng thành và có khả năng lao động), cháu Ngọc A đang sống và làm tại thành phố Hồ Chí Minh và Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008. Hiện cháu Hân sống chung và do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, không thấy hành vi đánh đập hay ngược đãi cháu Hân ở địa phương. Đồng thời, chị G có công việc ổn định, mua bán ở địa phương.

- Lời khai người làm chứng chị Nguyễn Thị Minh Ph cho biết: chị Ph là người gần nhà (người ở xóm) với chị G và anh T, về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân giữa chị G và anh T như thế nào thì chị Ph không biết nhưng anh T và chị G đã không còn chung sống với nhau (sống xa nhau) từ năm 2019 cho đến nay.

Chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Ngọc A và Ngọc H (không rõ họ và năm sinh các cháu), hiện Ngọc A và Ngọc H sống với chị G và được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Do chị Ph thường X đi làm nên xin vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án và đến khi xét xử.

- Lời khai người làm chứng Nguyễn Thị X cho biết: Chị X là người cùng xóm và cũng là người cho vợ chồng (G – T) thuê nhà ở được 04 năm (khoảng cuối năm 2016 cho đến nay). Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân giữa chị G và anh T như thế nào thì chị X không biết nhưng chị X biết anh T đã bỏ nhà đi cách nay 02 năm (khoảng năm 2019) và không thấy chị G và anh T sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay.

Chị G và anh T có 02 (hai) con chung, tên Ngọc A, và Ngọc H (không rõ họ và năm sinh các cháu), hiện các cháu đang sống với chị G và được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng tốt.

- Em Lê Nguyễn Ngọc H trình bày, em Ngọc H là con ruột của chị Nguyễn Thị Ngọc G (mẹ ruột) và ông Lê Thanh T (cha ruột). Từ nhỏ cho đến nay, em Ngọc H sống chung nhà với chị G, được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời, mọi chi tiêu, sinh hoạt như ăn, ở, mua sách vở, đóng học phí v.v.. đều do chị G lo cho em Ngọc H. Do đó, em Ngọc H có nguyện vọng sống với mẹ ruột Nguyễn Thị Ngọc G.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hôn nhân của chị G và anh T là hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường Long Thành, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 297, ngày 10/10/2007. Sau khi kết hôn, anh T và chị G sống tại tổ 10, khóm LT D, phường LT, thị xã TC. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 4/2019 thì chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường X cãi vã và đã không còn chung sống (sống xa nhau) từ tháng 6/2019 cho đến nay, không còn liên lạc cho nhau nữa. Do đó, chị G yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993 (đã trưởng thành và có khả năng lao động), cháu Ngọc A đang sống và làm tại thành phố Hồ Chí Minh, chị G không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Đối với cháu Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008, hiện cháu Hân sống chung và do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, chị G có công việc ổn định, mua bán ở địa phương. Đồng thời, cháu Ngọc H có nguyện vọng sống chung với chị G.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G được nuôi con chung tên: Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T. Anh T có nơi cư trú tại khóm LT D, phường LT, thị xã TC. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Lê Thanh T; người làm chứng bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Minh Ph đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tuy nhiên, người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Lê Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TC, huyện TC (nay là phường LT, thị xã TC) theo giấy chứng nhận kết hôn số 297, ngày 10/10/2007, hôn nhân giữa chị G và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị G khai: Khoảng tháng 4/2019, chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường X cãi vã, tính tình không hợp nhau và đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Đồng thời, anh T tự ý bỏ nhà đi nên chị G và anh T cũng đã không còn chung sống với nhau (sống xa nhau) từ tháng 6/2019 cho đến nay, không còn liên lạc cho chị G. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị G yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Qua xác minh tại Văn phòng khóm LT D, phường LT, thị xã TC cung cấp: Chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn vào tháng 4/2019, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã, chị G và anh T không còn chung sống (sống xa nhau) từ tháng 6/2019 cho đến nay, không còn liên lạc cho nhau nữa.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn vào tháng 4/2019, do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, thường xuyên cãi vã và sống xa nhau từ tháng 6/2019 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị G và anh T hàn gắn tình cảm, nhưng anh T vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị G và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho chị G. Xét, cho chị Nguyễn Thị Ngọc G ly hôn với anh Lê Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1993 (đã trưởng thành và có khả năng lao động), cháu Ngọc A đang sống và làm tại thành phố Hồ Chí Minh, chị G không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác nhận Hội Liên hiệp Phụ nữ phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, Văn phòng khám Long Thạnh D, phường Long Thạnh và lời khai người làm chứng thì cháu Ngọc H hiện đang sống chung và được chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, không thấy hành vi đánh đập hay ngược đãi cháu Hân ở địa phương, chị G có công việc ổn định, mua bán ở địa phương. Ngoài ra, ý kiến của cháu Lê Nguyễn Ngọc H, có nguyện vọng sống với mẹ ruột Nguyễn Thị Ngọc G.

Xét, chị G yêu cầu được nuôi dạy con chung Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc G.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G được ly hôn với anh Lê Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 297 ngày 10/10/2007, do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường Long Thành, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Lê Thanh T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G được tiếp tục nuôi dạy con chung tên: Lê Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2008, anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2019/0005490 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Ngọc G đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị G có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương